

Bản án số: 45/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 30/7/2024.
V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Trung Kiên;

2. Ông Quảng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 30/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST – HNGĐ ngày 18/6/2024 về Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXX - ST ngày 15/7/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quảng Thị N T - Sinh năm 2000."vắng mặt".

Nơi ĐKKHKT: Bản N H, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở hiện nay: Bản C N, xã N L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Quảng Văn P - Sinh năm 1988."có mặt".

Địa chỉ: Bản N H, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/6/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Quảng Thị N T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Phúc lấy nhau từ tháng 5 năm 2016, nhưng đến ngày 25/12/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Phúc**.

2. Về con chung: Chị Tuyết khai vợ chồng có 01 con chung là Quảng Bảo An, sinh ngày 08/01/2017. Chị Tuyết có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng một tháng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Quảng Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Tuyết chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2016, nhưng đến ngày 25/12/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2020 do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên cô Tuyết hỏi ý kiến tôi để cô Tuyết đi làm việc thuê, nhưng do thương vợ con nên tôi không đồng ý nên giữa chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn. Sau đó cô Tuyết đã đi tìm việc làm thuê và ít khi về nhà, vợ chồng cũng ít quan tâm nhau. Nay cô Tuyết làm đơn xin ly hôn, quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn. Do tôi vẫn còn tình cảm với vợ và rất thương con.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Quảng Bảo An, sinh ngày 08/01/2017. Tôi có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu An, ngày 18/7/2024 và tại phiên tòa hôm nay cháu An có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Về tài sản:- Tài sản riêng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã đã xác định: Sau khi đăng ký kết hôn đến năm 2019 thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

- Về tài sản của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con chung: Có 01 con chung là Quảng Bảo An, sinh ngày 08/01/2017, hiện nay cháu đang ở cùng với bố.

- Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Quảng Thị N T, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Tuyết xin ly hôn với anh Phúc, anh Phúc có hộ khẩu thường trú tại xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng:

Chị Tuyết và anh Phúc kết hôn năm 2018, đến năm 2024 thì chị Tuyết khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Tuyết và anh Phúc** lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không còn quan tâm đến nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả và hai người đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Chị Tuyết xin ly hôn, anh Phúc không đồng ý vì lý do là thương con còn nhỏ.

Nhưng anh Phúc cũng thừa nhận là hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, sau đó chị Tuyết đã bỏ đi từ năm 2020 cho đến nay, anh Phúc đi đón cũng không về.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và chị Tuyết đã bỏ anh Phúc đi từ năm 2020 cho đến nay, không quay về với anh Phúc nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Tuyết và anh Phúc đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Tuyết xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tuyết là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với ý kiến của anh Phúc không đồng ý ly hôn vì lý do anh Phúc thương con còn nhỏ, nhưng cũng thừa nhận là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không còn quan tâm đến nhau. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không chấp nhận ý kiến của anh Phúc và giải quyết cho chị Quàng Thị N T được ly hôn với anh Quàng Văn P.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Quàng Bảo An, sinh ngày 08/01/2017. Chị Tuyết có nguyện vọng được nuôi con. Anh Phúc cũng có nguyện vọng được nuôi con.

Tại bản tự khai của cháu An, ngày 18/7/2024 và tại phiên tòa hôm nay cháu An có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Từ khi hai vợ chồng sống ly thân cháu An đã ở cùng với bố cho đến hiện nay, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Phúc và giao con chung là cháu An cho anh Phúc trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phúc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tuyết phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Tuyết đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0000234 ngày 14/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Tuyết đã nộp đủ án phí DSST.

[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa:

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do đi làm ăn ở xa bận công việc không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa được nên nguyên đơn đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1-Tuyên xử: Cho chị Quảng Thị N T được ly hôn với anh Quảng Văn P.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Phúc, giao con chung là Quảng Bảo An, sinh ngày 08/01/2017 cho anh Phúc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tuyết phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Tuyết đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0000234 ngày 14/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Tuyết đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N H;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Quàng Văn Minh

Lường Văn Lương

Nông Trung Kiên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.Đ.B;
- Các đương sự;
- UBND xã N H;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

